

Bản án số: 05/ 2023/DS - ST
Ngày : 28/03/ 2023.
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Hà Giang và bà Nguyễn Thị Phương

Lan.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Vũ Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST-DS ngày 17/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa 01/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Tạ Ngọc Th, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Tạ Ngọc T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Tạ Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thị T, anh Tạ Ngọc T1, chị Tạ Thị H; còn anh Tạ Ngọc Th vắng mặt (lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Tạ Ngọc Q là vợ chồng, vợ chồng bà có khối tài sản chung là 1245 m² đất, trong đó có 360 m² đất ở và 885 m² đất vườn (đất có nguồn gốc của ông cha để lại) tại thửa 2355, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã K, huyện Y, địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh

Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 402454 ngày 22/3/2015 do UBND huyện Y cấp mang tên bà Nguyễn Thị T. Ông bà sinh được ba người con là anh Tạ Ngọc Th, anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H (còn bố mẹ đẻ của ông bà đều đã chết từ rất lâu). Vợ chồng ông bà sinh sống trên diện tích đất này, cho đến ngày 07/3/2007 thì ông Tạ Ngọc Q chết, ông Q chết không để lại di chúc. Toàn bộ diện tích đất này là tài sản chung của vợ chồng bà, phần của bà được hưởng là 50% và phần của ông Q là 50%. Nay để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bà, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết chia thừa kế phần di sản của ông Q sau khi chết để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất nêu trên, với diện tích đất là 622,5 m² (trong đó đất ở là 180 m² và đất vườn 442,5 m²) tại thửa 2355, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã K. Chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người là hàng thừa kế thứ nhất của ông Q là bà Nguyễn Thị T và 03 con là anh Tạ Ngọc Th, anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H, tương ứng với mỗi kỹ phần được hưởng di sản thừa kế của ông Q là 155,62m² đất (trong đó đất ở là 45 m² và đất vườn 110,62 m²). Bà đề nghị chia phần đất của bà ở vị trí tại phía Đông giáp ngõ xóm, phía Tây giáp phần đất chia cho anh T1, phía Nam giáp đường xóm, phía Bắc giáp đất nhà bà G, phần diện tích đất này gồm có một nửa của bà là 622,5 m² đất (trong đó đất ở là 180 m² và đất vườn 442,5 m²) và phần của bà được hưởng di sản của ông Q để lại là 155,62m² đất (trong đó đất ở là 45 m² và đất vườn 110,62 m²). Tổng diện tích đất mà bà được nhận tại vị trí nói trên là 778,12m², trên diện tích đất có các tài sản nhà cấp 4, bể nước, bếp lợp ngói, cây chuối, cây bông, cây mít, cùng toàn bộ tài sản có trên phần đất này, bà xác định tài sản nhà đã cũ không có giá trị nên khi khởi kiện bà không yêu cầu. Song sau khi Tòa án định giá thì tài sản này vẫn còn có giá trị nên tại phiên tòa bà yêu cầu giải quyết về phần tài sản có trên đất, bà nhận quản lý và thanh toán cho các kỹ phần được hưởng về tài sản có trên phần đất của bà.

Bị đơn anh Tạ Ngọc Th, trong bản tự khai và văn bản khác anh trình bày: Theo nội dung trong đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia thừa kế di sản của ông Tạ Ngọc Q. Ông Tạ Ngọc Q, sinh năm 1946, đã mất tháng 3 năm 2007 tại nơi cư trú: Thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi chết ông Tạ Ngọc Q có để lại $\frac{1}{2}$ thửa đất nằm trong diện tích đất 1245 m² (là tài sản chung của ông Tạ Ngọc Q và bà Nguyễn Thị T) với diện tích là 622,5m², tại thửa đất số 2355, tờ bản đồ số 09, bản đồ địa chính xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 402454 cấp ngày 22/3/2015 do UBND huyện Y cấp, ghi tên sử dụng đất là Nguyễn Thị T. Anh thấy phần trình bày của bà T với Tòa án là không đúng sự thật. Bởi vì trước khi mất ông Tạ Ngọc Q có để lại hai bìa đất, 01 bìa mang tên ông Tạ Ngọc Q và 01 bìa mang tên bà nội anh, diện tích đất mỗi bìa là bao nhiêu thì anh không rõ vì anh không quan tâm. Sau khi bố anh mất, bà Nguyễn Thị T có đưa cho vợ chồng anh cất giữ nhưng anh không giữ mà mẹ anh giữ. Anh không biết và làm như thế nào mà đến ngày 22/3/2015 bìa đất lại mang tên quyền sử dụng là bà Nguyễn Thị T, gia đình anh chưa có phiên họp chính thức nào để họp bàn về chuyển quyền sử dụng đất hay phân chia di sản. Có một vài lần mẹ anh có gọi anh về bảo ký giấy cho bà bán đất, nhưng chưa bao giờ có đầy đủ các

thành viên trong gia đình, khi hỏi lý do bán đất cha ông để làm gì thì bà bảo bán trả nợ nên anh thấy không hợp lý nên anh không đồng ý và không ký. Những lần như thế mẹ con sảy ra to tiếng, bất đồng quan điểm, do em là Tạ Ngọc T1 do ham chơi nên dẫn đến nợ nần, rất nhiều lần mẹ anh đòi chia và bán đất ở để trả nợ cho Tạ Ngọc T1, nhưng là con trai cả trong gia đình, anh phải có trách nhiệm giữ gìn mảnh đất của cha ông mà bố anh để lại, nên anh không đồng ý bán và không ký vì lý do trên. Nay bà Nguyễn Thị T đã yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế cùng với sự đồng thuận của hai em là Tạ Ngọc T1 và Tạ Thị H là người liên quan. Do vậy anh kiến nghị với Tòa án huyện Y nội dung sau: Thứ nhất: Anh là Tạ Ngọc Th là con trai trưởng trong gia đình ông Tạ Ngọc Q và bà Nguyễn Thị T và thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật, chưa bao giờ có ý định tranh chấp và cũng không bao giờ tranh chấp tài sản với bất kỳ thành viên nào trong gia đình. Thứ hai: gia đình anh chưa có phiên họp gia đình chính thức nào và cũng chưa bao giờ họp mặt đầy đủ các thành viên trong gia đình để nói về vấn đề phân chia di sản. Thứ ba: từ hôm Tòa án thông báo anh mới biết bà đất mang tên bố anh là ông Tạ Ngọc Q trước khi mất, nhưng tại sao ngày 22/3/2015 lại mang tên mẹ anh là bà Nguyễn Thị T. Thứ tư: về trách nhiệm của con trai trưởng trong gia đình, rất nhiều lần anh khuyên can mẹ giữ gìn mảnh đất của cha ông, nhưng mẹ anh không nghe mà còn quyết tâm đòi chia để bán, vì vậy mẹ anh đã đưa đơn ra Tòa án để phân chia di sản của ông Tạ Ngọc Q với sự đồng thuận của hai em, bản thân anh không tranh chấp và cũng không bao giờ đòi quyền lợi. Thứ năm: khi mẹ anh đã đưa ra Tòa để yêu cầu phân chia di sản anh thiết nghĩ bản thân anh cũng đã hết lòng làm tròn bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ với tổ tông ông bà và bố anh. Còn về phần mẹ anh, tài sản của bà Nguyễn Thị T, bà cho ai là quyền của bà, anh không đòi hỏi cũng không quan tâm và không bao giờ tranh chấp. Nhưng di sản thừa kế của bố anh là ông Tạ Ngọc Q, kiến nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh Tạ ngọc T1 và chị Tạ Thị H đều thống nhất trình bày: Bố mẹ anh chị là ông Tạ Ngọc Q và bà Nguyễn Thị T có khối tài sản chung là 1245 m² đất, trong đó có 360 m² đất ở và 885 m² đất vườn (đất có nguồn gốc của ông cha để lại) tại thửa 2355, tờ bản đồ số 9, bản đồ địa chính xã K, huyện Y. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 402454 ngày 22/3/2015 do UBND huyện Y cấp ghi tên sử dụng đất là Nguyễn Thị T. Ông Tạ Ngọc Q chết ngày 07/3/2007 không để lại di chúc; ông bà nội và ông bà ngoại để ra bố mẹ anh chị đều đã mất. Bố mẹ sinh được ba người con là anh Tạ Ngọc Th, anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H. Trong khối tài sản chung của bà T một nửa và của ông Q một nửa, nay anh và chị đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của ông Tạ Ngọc Q sau chết để lại ½ thửa đất nói trên với diện tích là 622,5 m² (trong đó đất ở là 180 m² và đất vườn 442,5 m²). Chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người là hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm bà Nguyễn Thị T, anh Tạ Ngọc Th, anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H, tương ứng với mỗi kỹ phần được hưởng di sản thừa kế của ông Q là 155,62m² đất (trong đó đất ở là 45 m² và đất vườn 110,62 m²). Anh T1 xin nhận phần đất này tại vị trí phía Đông giáp đất chia cho bà T, phía Tây giáp với phần đất chia cho chị H, phía

Nam giáp với đường xóm, phía Bắc giáp đất nhà bà G. Trên phần đất anh nhận có các tài sản là nhà ở cấp 4 đã cũ không còn giá trị nên anh không yêu cầu. Chị H nhận phần đất tại vị trí phía Đông giáp đất chia cho anh T1, phía Tây giáp với phần đất chia cho anh Th, phía Nam giáp với đường xóm, phía Bắc giáp đất nhà bà G. Trên phần đất chị nhận có các tài sản là nhà ở cấp 4, do đã cũ không còn giá trị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng bị đơn anh Tạ Ngọc Thiên chấp hành chưa đầy đủ theo qui định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 609, 611, 613, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc chia di sản thừa kế của ông Tạ Ngọc Q.

+ Chia cho anh Tạ Ngọc Th được hưởng kỷ phần thừa kế là 177 m² đất (gồm 61,4m² đất ở và 115,6m² đất vườn) và toàn bộ tài sản có trên đất được chia. Giao cho anh Th quản lý sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất được chia (gồm 50 mét tường rào, 02 cây bông, 01 cây xoài, 01 cây mít). Anh Th không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà T. Bà T phải tháo dỡ phần tài sản nằm trên đất chia cho anh Th để trả đủ đất cho anh Th.

+ Chia cho bà Nguyễn Thị T, anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 155,62 m² đất (gồm 45 m² đất ở và 110,62 m² đất vườn) và toàn bộ tài sản có trên đất được chia. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T1 và chị H về việc tặng cho toàn bộ phần tài sản thừa kế cho bà T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc tặng cho anh Th 21,38 m² đất (gồm 16,4m² đất ở và 4,98m² đất vườn). Giao cho bà T được quản lý, sử dụng toàn bộ phần tài sản thừa kế là 445,48m² đất (gồm 118,6m² đất ở và 326,88m² đất vườn) và toàn bộ tài sản có trên đất và phần diện tích đất còn lại của thửa đất.

- Về án phí: Bà T được miễn án phí, chị H, anh Th và anh T1 phải nộp án phí trên giá trị tài sản thừa kế được hưởng. Bà T phải chịu toàn bộ số tiền chi phí định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của bà T là đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất, địa chỉ thửa đất, tại xã K, huyện Y; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa anh Tạ Ngọc Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là 622,5 m² đất (trong đó đất ở là 180 m² và đất vườn 442,5m²) nằm trong khối tài sản chung là 1245m² đất, tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K và tài sản có trên đất, địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã K, huyện Y. Theo hồ sơ địa chính thì đất này mang tên ông Tạ Văn Q (Tạ Ngọc Q) và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tạ Văn Q vào năm 1996, đây là tài sản chung của ông Q và bà T. Sau khi ông Q chết đến năm 2015 bà T đã làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này và đã được UBND huyện Y, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T với diện tích 1245m² đất, tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K, huyện Y, như vậy việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà T, không làm thay đổi về quyền sử dụng và cấp cho hộ bà T nên vẫn là tài sản chung của ông Q và bà T. Tại giấy chứng tử thể hiện ông Q chết năm 2007. Điều 609 Bộ luật dân sự quy định “Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Điều 612 của Bộ luật dân sự quy định “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”. Như vậy phần di sản của ông Q sau khi chết để lại cho những người thừa kế của ông Q được hưởng.

Về thời hiệu thừa kế: Điều 611 của Bộ luật dân sự quy định “Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết”. Điều 614 của Bộ luật dân sự quy định “Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Điều 623 Bộ luật dân sự quy định “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Như vậy thời hiệu mở thừa kế của ông Q là năm 2007, đến nay thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

Về hình thức thừa kế: Điều 650 của Bộ luật dân sự quy định “Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây: a) Không có di chúc. Theo lời khai của bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ông Q sau khi chết không để lại di chúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Q là đúng pháp luật.

Về người thừa kế theo pháp luật: Điều 649 của Bộ luật dân sự quy định “Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định”. Điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự quy định “Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ con nuôi của người chết”. Theo xác nhận của xã K thì ông Q có 03 người con là anh Th, anh T1 và chị H. Nay ông Q mất, trước khi mất lại không để lại di chúc nên phần di sản của ông Q phát sinh quyền thừa kế theo pháp luật.

Xét yêu cầu của bà T chia di sản của ông Q là 622,5 m² đất theo pháp luật là có căn cứ: Xét thấy hàng thừa kế thứ nhất có bà T và các con là anh Th, anh T1 và chị H đều được hưởng phần di sản thừa kế của ông Q, nên chia đều làm 04 phần, di sản là quyền sử dụng đất mà trong đó có hai loại đất, gồm đất ở, đất vườn. Theo biên bản thẩm định tại chỗ và chứng thư thẩm định giá của công ty Cổ phần dịch vụ tài chính và thẩm định giá Việt Nam, kết quả có tổng diện tích đang sử dụng là 1245m² phù hợp với diện tích đất được giao. Theo kết quả định giá thì đất ở có giá trị là 5.077.000 đồng/m², đất vườn là 105.000 đồng/m² và phần tài sản, công trình và các cây ăn quả hiện có trên đất có tổng giá trị là 155.288.000 đồng. Như vậy giá trị phần di sản chia thừa kế phần của ông Q là **1.037.966.400** đồng nay được chia cho 04 kỹ phần thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà T, anh Th, anh T1, chị H thì mỗi kỹ phần được có tổng giá trị là **259.491.600** đồng.

Nay bà T cùng anh T1, chị H đều thống nhất và yêu cầu Tòa án chia phần đất của anh Th được hưởng tại phía Tây giáp với phần đất nhà bà V, tính theo diện tích đất được hưởng thì chiều rộng mặt đường của anh Th có chiều rộng là 2,85m và chiều dài là 15,5m, do vậy bà T tự nguyện đề nghị Tòa án cắt thêm cho anh Th với chiều rộng mặt đường là 1,15m nằm trong phần của bà được quyền sử dụng cho đủ 4m chiều mặt đường (phía Nam) và chiều rộng phía Bắc cũng đủ 4m; chiều dài phía Bắc, Nam đều dài hết khung thổ. Tổng diện tích 177,0 m² gồm có đất ở là 61,4 m² và đất vườn là 115,6 m², giao cho anh Th được quyền quản lý sở hữu phần diện tích đất này. Còn đối với phần đất của bà T được hưởng đã cắt thêm cho anh Th tổng là 21,37m². Trong đó có 16,4 m² đất ở và 4,97 m² đất vườn, để anh Th có đủ chiều rộng phía Bắc, phía Nam đủ 4m và chạy dài hết khung thổ, bà tặng cho phần đất này cho anh Th, còn phần đất và tài sản còn lại giao cho bà quản lý, sử dụng.

Việc chia phần đất này cho anh Th có ảnh hưởng đến ngôi nhà ở vị trí gian buồng lồi do tài sản đã lâu giá trị thấp và giao cho bà quản lý nên bà nhất trí bỏ một phần để giao phần đất đủ chiều rộng 4m cho anh Th cùng các cây cối trên đất và bà không yêu cầu anh Th phải thanh toán lại bằng tiền cho bà. Đối với kỹ phần của anh T1 và chị H đều thống nhất nhận phần di sản được hưởng theo giá trị và tự nguyện cho tặng lại bà T, do vậy giao cho bà T được quyền quản lý sở hữu toàn bộ phần di sản mà anh T1 và chị H được hưởng phần di sản thừa kế của ông Q. Xét thấy yêu cầu chia diện tích đất cho anh Th của bà T và anh T1, chị H đều nhất trí, nên nhận thấy yêu cầu của bà T về việc cắt thêm phần đất theo chiều mặt đường để cho anh Th có đủ 4 mét mặt đường là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận để phân chia phần di sản của ông Q để lại như sau:

- Chia cho anh Tạ Ngọc Th, được hưởng thừa kế tài sản của ông Tạ Ngọc Q, sau khi chết để lại là 177,0 m², gồm có đất ở là 61,4 m² và đất vườn là 115,6 m², tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K; địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có trị giá là **323.865.800** đồng. Anh Tạ Ngọc Th được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất được chia. Phần đất được chia tại phía Tây có kích thước các chiều như sau:

- + Phía Nam giáp đường xóm rộng đủ 4,0 mét.
- + Phía Bắc giáp đất bà G rộng đủ 4,0 mét.
- + Phía Đông giáp phần đất còn lại của bà T dài 45,6 mét
- + Phía Tây giáp đất của bà V dài 46,0 mét.

Anh Tạ Ngọc Th được quyền quản lý, sở hữu tài sản có trên đất là 50 mét tường rào có giá trị là 208.400 đồng và 02 cây Bòng, 01 cây Xoài; 01 cây mít với giá trị là 820.000 đồng. Tổng giá trị mà anh Th được hưởng là **324.894.200** đồng, anh Tạ Ngọc Th không phải thanh toán tiền chênh lệch về phần di sản cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T tự tháo dỡ phần tài sản để giao đủ đất cho anh Th.

- Chia cho anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H mỗi kỹ phần được hưởng thừa kế tài sản của ông Tạ Ngọc Q theo giá trị, sau khi chết để lại là 155,62m² đất; gồm đất ở là 45 m² và đất vườn 110,62m², tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K; địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có trị giá là **240.080.600** đồng và giá trị tài sản là 19.411.000 đồng. Tổng giá trị mỗi phần di sản được hưởng là **259.491.600** đồng.

Cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H cho tặng lại toàn bộ phần diện tích đất và tài sản được hưởng phần di sản của ông Q sau khi chết để lại cho bà Nguyễn Thị T, bà T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ kỹ phần của anh T1, chị H.

- Chia cho bà Nguyễn Thị T, được hưởng kỹ phần di sản thừa kế tài sản của ông Tạ Ngọc Q sau khi chết để lại là 155,62m² đất; gồm đất ở là 45 m² và đất vườn 110,62m². Có trị giá là 240.080.600 đồng và giá trị tài sản là 19.411.000 đồng. Tổng giá trị phần di sản được hưởng là **259.491.600** đồng, được chia bằng diện tích đất nằm trong phần diện tích đất còn lại là 1068 m², tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K; địa chỉ thửa đất tại thôn Yên Cư 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Do vậy bà Nguyễn Thị T được quản lý toàn bộ tài sản nhà, công trình và các cây có trên đất của bà cũng như phần di sản của anh T1, chị H tặng cho bà.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng bà T đã bỏ ra chi phí thẩm định và định giá hết tổng số tiền là 10.000.000 đồng, nay bà T tự nguyện chịu chi phí này, nên không xem xét giải quyết.

- Buộc anh Tạ Ngọc Th phải nộp 16.244.700 đồng, án phí dân sự sơ thẩm về phần hưởng di sản thừa kế để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H, mỗi người phải nộp 12.974.600 đồng, án phí dân sự sơ thẩm về phần hưởng di sản thừa kế để sung ngân sách Nhà nước.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T về phần hưởng di sản thừa kế được chia vì là người cao tuổi.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 609, Điều 611, Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652 Bộ luật dân sự; Điều 167 Luật Đất đai; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; 165; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị T và đề nghị của anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H.

- Chia cho anh Tạ Ngọc Th, được hưởng thừa kế tài sản của ông Tạ Ngọc Q, sau khi chết để lại là 177,0 m², gồm có đất ở là 61,4 m² và đất vườn là 115,6 m², tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K, huyện Y; địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có trị giá là 323.865.800 đồng. Anh Tạ Ngọc Th được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất được chia. Phần đất được chia tại phía Tây có kích thước các chiều như sau:

- + Phía Nam giáp đường xóm rộng đủ 4,0 mét.
- + Phía Bắc giáp đất bà G rộng đủ 4,0 mét.
- + Phía Đông giáp phần đất còn lại của bà Tâm dài 45,6 mét
- + Phía Tây giáp đất của bà V dài 46,0 mét.

Anh Tạ Ngọc Th được quyền quản lý, sở hữu tài sản có trên đất là 50 mét tường rào có giá trị còn lại là 208.400 đồng và 02 cây Bòng, 01 cây Xoài; 01 cây mít với giá trị 820.000 đồng. Tổng giá trị mà anh Thiên được hưởng là **324.894.200** đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi tư nghìn hai trăm đồng) anh Tạ Ngọc Th không phải thanh toán tiền chênh lệch về phần di sản cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T phải tự tháo dỡ phần tài sản (nhà) nằm trên đất chia cho anh Th để giao đủ đất cho anh Tạ Ngọc Th.

- Chia cho anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H mỗi kỹ phần được hưởng thừa kế tài sản của ông Tạ Ngọc Q theo giá trị, sau khi chết để lại là 155,62m² đất; gồm đất ở là 45 m² và đất vườn 110,62 m², tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K, huyện Y; địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Có trị giá là **240.080.600**

đồng và giá trị tài sản là 19.411.000 đồng. Tổng giá trị mỗi phần di sản được hưởng là **259.491.600 đồng**.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tạ Ngọc T1 và chị Tạ Thị H cho tặng lại toàn bộ phần diện tích đất và tài sản được hưởng về phần di sản của ông Q sau khi chết để lại cho bà Nguyễn Thị T, bà T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ kỹ phần của anh T1, chị H.

- Chia cho bà Nguyễn Thị T, được hưởng kỹ phần di sản thừa kế tài sản của ông Tạ Ngọc Q sau khi chết để lại là 155,62m² đất; gồm đất ở là 45 m² và đất vườn 110,62 m². Có trị giá là **240.080.600 đồng** và giá trị tài sản là 19.411.000 đồng. Tổng giá trị phần di sản được hưởng là **259.491.600 đồng**, được chia bằng diện tích đất nằm trong phần diện tích đất còn lại là 1068 m², tại thửa số 2355, tờ bản đồ số 09, xã K, huyện Y; địa chỉ thửa đất tại thôn Y, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý toàn bộ tài sản nhà, công trình và các cây có trên đất của bà cũng như phần di sản của anh T1, chị H tặng cho bà (có sơ đồ kèm theo).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định của Luật đất đai.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Buộc anh Tạ Ngọc Th phải nộp 16.244.700 đồng, án phí dân sự sơ thẩm về phần hưởng di sản thừa kế để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Tạ Ngọc T1 và chị tạ Thị H, mỗi người phải nộp 12.974.600 đồng, án phí dân sự sơ thẩm về phần hưởng di sản thừa kế để sung ngân sách Nhà nước.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T về việc hưởng di sản thừa kế vì là người cao tuổi. Về chi phí tố tụng bà Nguyễn Thị T tự phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung